

Số: /2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày tháng 8 năm 2026

Dự thảo ngày 07/7/2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định:

- Mức phụ cấp hàng tháng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố;
- Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố;

c) Việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố;

d) Mức khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động ở thôn, bản, khu phố.

đ) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố.

b) Các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố.

c) Thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố

Phương án 1:

1. Thôn, bản, khu phố thuộc điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: Mỗi chức danh Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, khu phố; Trưởng Ban Công tác Mặt trận hưởng mức phụ cấp bằng **2,66** lần mức lương cơ sở.

2. Thôn, bản, khu phố thuộc điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: Mỗi chức danh Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, khu phố; Trưởng Ban Công tác Mặt trận hưởng mức phụ cấp bằng **2,16** lần mức lương cơ sở.

3. Mức phụ cấp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đã bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Phương án 2:

1. Thôn, bản, khu phố thuộc điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: Mỗi chức danh Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, khu phố; Trưởng Ban Công tác Mặt trận hưởng mức phụ cấp bằng **2,3** lần mức lương cơ sở.

2. Thôn, bản, khu phố thuộc điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: Mỗi chức danh Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, khu phố; Trưởng Ban Công tác Mặt trận hưởng mức phụ cấp bằng **1,8** lần mức lương cơ sở.

3. Mức phụ cấp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chưa bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố đã được đóng bảo hiểm xã hội hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động thì phụ cấp thực lĩnh hàng tháng phải trừ tỷ lệ (%) đóng bảo hiểm xã hội trong mức phụ cấp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; số dư được bổ sung vào quỹ phụ cấp. Kết thúc niên độ ngân sách, nếu quỹ phụ cấp theo mức khoán sau khi thực hiện chi trả phụ cấp hàng tháng và hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội mà vẫn còn dư thì được sử dụng để chi bổ sung thu nhập tăng thêm cho 3 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố.

Điều 3. Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố

1. Thôn, bản, khu phố thuộc điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: Bố trí không quá **10** người.

2. Thôn, bản, khu phố thuộc điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ: Bố trí không quá **08** người.

3. Các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố, gồm:

a) Phó Bí thư chi bộ;

b) Phó Trưởng thôn, bản, khu phố;

c) Phó Trưởng Ban công tác Mặt trận;

d) Các chức danh khác theo Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội, quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc yêu cầu thực hiện nhiệm vụ ở cộng đồng dân cư do cấp xã xem xét, quyết định bố trí.

Trường hợp cần thiết có thể bố trí 02 Phó Trưởng thôn, bản, khu phố nhưng không vượt số lượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Mức hỗ trợ hàng tháng như sau:

a) Mỗi chức danh Phó Bí thư chi bộ; Phó Trưởng thôn, bản, khu phố; Phó Trưởng Ban Công tác Mặt trận hưởng mức phụ cấp bằng **1,2** lần mức lương cơ sở.

b) Các chức danh còn lại hưởng mức phụ cấp bằng **0,8** lần mức lương cơ sở.

5. Trường hợp Điều lệ tổ chức, văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định khác về chức danh, số lượng, chế độ chính sách thì thực hiện theo Điều lệ tổ chức và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác hoặc chức danh tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố khi bảo đảm tiêu chuẩn, yêu cầu nhiệm vụ và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Một người kiêm nhiệm không quá 03 chức danh.

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng **50%** mức phụ cấp hoặc mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

4. Việc bố trí kiêm nhiệm phải bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm dân cư, địa bàn, khối lượng công việc và năng lực, trình độ của người được bố trí kiêm nhiệm.

Điều 5. Khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động thôn, bản, khu phố

1. Mức khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động thôn, bản, khu phố như sau:

a) Thôn có từ 400 hộ gia đình trở lên đến dưới 700 hộ gia đình; khu phố có từ 550 hộ gia đình trở lên đến dưới 1.000 hộ gia đình, mức khoán: **180** triệu đồng/năm;

b) Thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên đến dưới 1.500 hộ gia đình; thôn, bản, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, mức khoán: **200** triệu đồng/năm;

c) Thôn có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 1.500 hộ gia đình trở lên, mức khoán: **250** triệu đồng/năm.

d) Thôn đảo Trần thuộc đặc khu Cô Tô, mức khoán: 140 triệu đồng/năm.

2. Nội dung chi hoạt động:

Kinh phí hỗ trợ được chi cho các hoạt động sau: Thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; mừng Đảng, mừng xuân; hoạt động nhà văn hóa; công tác tuyên truyền; hoạt động lấy ý kiến nhân dân; các hoạt động tự quản tại cộng đồng; hoạt động của Ban công tác Mặt trận và các đoàn thể; hỗ trợ hàng tháng cho người tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố (bao gồm 3% bảo hiểm y tế đối với người chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế ở các chính sách khác);

Kết thúc niên độ ngân sách, sau khi đã thực hiện các nội dung chi theo quy định mà còn dư thì được sử dụng để chi bổ sung thu nhập tăng thêm cho người tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn dự toán ngân sách hàng năm giao cho các địa phương theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm toàn diện trong việc xác

định đối tượng, nguyên tắc áp dụng, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách được quy định tại Nghị quyết này; không để xảy ra vi phạm, trục lợi chính sách gây thất thoát ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các vi phạm (nếu có).

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 34/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố và số lượng, chế độ chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và kinh phí hỗ trợ hoạt động ở thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính (b/c);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- UB MTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Phát thanh và Truyền hình Quảng Ninh
- Lưu: VT, PC2.

CHỦ TỊCH